

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2008/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2008

NGHỊ ĐỊNH**quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Đài Truyền hình Việt Nam**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Tổng giám đốc Đài
Truyền hình Việt Nam và Bộ trưởng Bộ
Nội vụ,*

NGHỊ ĐỊNH:**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Đài Truyền hình Việt Nam là đài truyền hình quốc gia, là cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và cung ứng các dịch vụ công; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình truyền hình.

2. Đài Truyền hình Việt Nam viết tắt bằng tiếng Việt là THVN; có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Vietnam Television, viết tắt là: VTV.

3. Đài Truyền hình Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông về hoạt động báo chí và tần số phát sóng.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Trình Chính phủ quy định, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên các tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm và các dự án quan trọng khác của Đài Truyền hình Việt Nam thuộc thẩm quyền quyết định

của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được phê duyệt.

3. Lập kế hoạch, xây dựng, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; xây dựng, công bố tiêu chuẩn cơ sở theo quy định tại Điều 20 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; lập kế hoạch, xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

4. Tham gia xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển của hệ thống truyền hình Việt Nam.

5. Chủ trì, phối hợp với các đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình địa phương về kế hoạch sản xuất các chương trình phát trên sóng truyền hình quốc gia.

6. Quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình và thời lượng phát sóng hàng ngày của Đài Truyền hình Việt Nam.

7. Quản lý trực tiếp hệ thống kỹ thuật chuyên dùng của Đài Truyền hình Việt

Nam để sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu và phát sóng các chương trình truyền hình quốc gia trong nước và ra nước ngoài.

8. Quản lý các dự án đầu tư và xây dựng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật, tham gia thẩm định các đề án, dự án quan trọng thuộc chuyên môn, nghiệp vụ được Thủ tướng Chính phủ giao.

9. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế tài chính của Đài Truyền hình Việt Nam phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật liên quan, đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

10. Thực hiện cơ chế tài chính, lao động, tiền lương như doanh nghiệp nhà nước.

11. Hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo quy định của pháp luật.

12. Quyết định dùng vốn nhà nước do Đài Truyền hình Việt Nam quản lý để đầu tư, thành lập doanh nghiệp sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

13. Đài Truyền hình Việt Nam là chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp do Đài

quyết định thành lập và chủ sở hữu phần vốn góp tại các doanh nghiệp thuộc Đài theo quy định của pháp luật.

14. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của Đài Truyền hình Việt Nam theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

15. Hướng dẫn các đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình địa phương về tên viết tắt bằng tiếng Việt, tên bằng tiếng Anh, tên viết tắt bằng tiếng Anh của các đài truyền hình, đài phát thanh - truyền hình địa phương và về nghiệp vụ, kỹ thuật truyền hình.

16. Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành truyền hình theo quy định của pháp luật.

17. Tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ truyền hình.

18. Thực hiện hợp tác quốc tế với các đài truyền hình khu vực và thế giới về truyền hình theo quy định của pháp luật.

19. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý

của Đài Truyền hình Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

20. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, cửa quyền đối với các đơn vị trực thuộc.

21. Thực hiện chế độ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan của Đảng, Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Ban Thư ký biên tập.
2. Ban Tổ chức cán bộ.
3. Ban Kế hoạch - Tài chính.
4. Ban Hợp tác quốc tế.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng.
7. Ban Thời sự.
8. Ban Khoa giáo.
9. Ban Truyền hình tiếng dân tộc.
10. Ban Truyền hình đối ngoại.
11. Ban Văn nghệ.
12. Ban Thể thao - Giải trí và Thông tin kinh tế.
13. Ban Biên tập truyền hình cáp.
14. Ban Thanh thiếu niên.

15. Trung tâm Phim tài liệu và Phóng sự.

16. Trung tâm Sản xuất phim truyền hình.

17. Trung tâm Tư liệu.

18. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh.

19. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Huế.

20. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng.

21. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại tỉnh Phú Yên.

22. Trung tâm Truyền hình Việt Nam tại thành phố Cần Thơ.

23. Trung tâm Kỹ thuật sản xuất chương trình.

24. Trung tâm Kỹ thuật truyền dẫn phát sóng.

25. Các cơ quan thường trú Đài Truyền hình Việt Nam tại nước ngoài do Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam quyết định thành lập sau khi được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

26. Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật truyền hình.

27. Trung tâm Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ truyền hình.

28. Trung tâm Quảng cáo và Dịch vụ truyền hình.

29. Trung tâm Tin học và Đo lường.

30. Tạp chí truyền hình.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này là các tổ chức giúp việc Tổng giám đốc. Các tổ chức quy định từ khoản 7 đến khoản 25 là các tổ chức sản xuất và phát sóng chương trình. Các tổ chức quy định từ khoản 26 đến khoản 30 là các tổ chức sự nghiệp khác.

Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam được phép giải thể, thành lập và tổ chức sắp xếp các đơn vị còn lại thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Các Ban và các đơn vị tương đương trực thuộc Đài Truyền hình Việt Nam có Trưởng ban (và tương đương); giúp việc Trưởng ban có không quá 03 Phó trưởng ban.

Cơ cấu tổ chức của các Ban và các đơn vị tương đương có các phòng và các tổ công tác.

Điều 4. Lãnh đạo

1. Đài Truyền hình Việt Nam có Tổng giám đốc và không quá 04 Phó Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Đài Truyền hình Việt Nam; các Phó Tổng giám đốc giúp việc Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

4. Tổng giám đốc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc.

5. Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành

sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 96/2003/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Đài Truyền hình Việt Nam.

2. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với Nghị định này.

3. Tổng giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng